|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT ….  **TRƯỜNG ……**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (*Đề gồm có* ***02*** *trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II- NĂM HỌC 2021-2022**  [**Môn: TIN HỌC – Lớp: 12**](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-tin-hoc/tin-hoc-lop-12/)  Thời gian: **45** phút *(không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ: TRẮC NGHIỆM (30 câu). *Học sinh tô đáp án cần chọn vào phiếu trắc nghiệm.***

**Câu 1. Kết quả hiển thị Mẫu hỏi đóng vai trò như một đối tượng nào?**

**A.** Table **B.** Macro **C.** Form **D.** Report

**Câu 2. Mẫu hỏi có chức năng nào?**

**A.** Trình bày dữ liệu theo khuôn dạng **B**. Thuận lợi cho việc nhập và hiển thị thông tin của bảng

**C.** Lưu dữ liệu **D.** Sắp xếp, lọc, tìm kiếm dữ liệu

**Câu 3. Trong Mẫu hỏi, để lọc các học sinh có GT là “Nữ” và ĐTB từ 8.0 trở lên, biểu thức nào viết đúng?**

**A.** [GT]="Nữ" and [ĐTB] >=8.0 **B.** [GT]="Nữ" .and. ĐTB >=8.0

**C.** [GT]=Nữ or [ĐTB] >=8.0 **D.** GT=’Nữ’ and ĐTB >=8.0

**Câu 4. Hàm nào để gộp nhóm?**

**A.** SUM **B.** COUNT **C.** AVG **D**. GROUP BY

**Câu 5. Lệnh nào dùng để chuyển sang chế độ thiết kế của Mẫu hỏi?**

**A.** Home 🠚  **B.** Create 🠚  **C.** Design 🠚   **D.** File 🠚 

**Câu 6. Cho các bước dưới đây. Trình tự thực hiện tạo Mẫu hỏi bằng tự thiết kế như thế nào?**

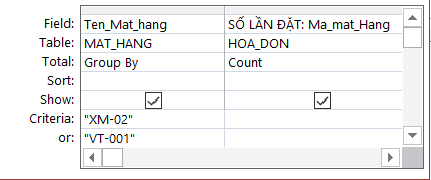


(1) Mô tả điều kiện mẫu hỏi ở lưới QBE (2) Chọn Create 🡪 Query Design (3) Design 🡪

(4) Chọn dữ liệu nguồn (5) Chọn các trường cần thiết để đưa vào Mẫu hỏi

**A.** (2) 🡪(4) 🡪 (1) 🡪 (5) 🡪 (3) **B.** (2) 🡪 (3) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (5) **C.** (2) 🡪(4) 🡪 (5) 🡪 (1) 🡪 (3) **D.** (4) 🡪 (2) 🡪 (5) 🡪 (1) 🡪 (3)

**Câu 7. Cho lưới QBE sau. Kết quả sau khi thực hiện thiết kế Mẫu hỏi là gì?**

**A.** Đếm số lần đặt của các mặt hàng.

**B.** Đếm số lần đặt của mặt hàng “XM-02” và “VT-001”

**C.** Đếm số lần đặt của mặt hàng “XM-02” hoặc

“VT-001”

**D.** Hiển thị các mặt hàng “XM-02” hoặc “VT-001”



**Câu 8. Biểu tượng tương ứng với lệnh nào?**

**A.**  Design🡪Run **B.**  Create 🠚 Report wizard **C.** Create 🠚 Query Design **D.** Home 🠚 View

**Câu 9. Khi thiết kế Mẫu hỏi, dòng nào cho phép sắp xếp dữ liệu?**

**A.** Total **B.** Table **C.** Sort  **D.** Show

**Câu 10. Khi thiết kế Mẫu hỏi, nội dung nào đặt trong dòng Total?**

**A.** "Núi Thành" **B.**  #01/01/2022# **C.**  SUM **D.**  100

**Câu 11. Để sử dụng các hàm trong Mẫu hỏi, ta chọn biểu tượng nào?**

********

**A.**  **B. C.**  **D.**

**Câu 12. Mẫu hỏi có các chế độ làm việc nào?**

**A.** Thiết kế và Biểu mẫu **B.** Thiết kế và trang dữ liệu

**C.** Thiết kế và xem trang in **D.** Trang dữ liệu và Biểu mẫu

**Câu 13. Nội dung nào là phép toán dùng trong Mẫu hỏi?**

**A.** AND, OR, NOT **B.** 1000 **C.** [TOÁN] **D.** “NỮ”

**Câu 14. Báo cáo là hình thức thích hợp nhất để:**

**A.** lọc sắp xếp dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng **B.** tổng hợp, trình bày và in dữ liệu theo khuôn dạng

**C.** nhập và hiển thị thông tin **D.** lưu trữ dữ liệu

**Câu 15. Trong chế độ thiết kế của Báo cáo, không thể thực hiện công việc nào?**

**A.** Lọc dữ liệu **B.** Di chuyển các tiêu đề **C.** Định dạngtiêu đề **D.** Thiết kế hàm

**Câu 16. Kết quả hiển thị trang Báo cáo sau khi thiết kế sẽ như thế nào?**

**A.** Ở dạng trang dữ liệu, có thể xóa được **B.** Ở dạng xem trang in

**C.** Ở dạng trang dữ liệu, có thể sửa được **D.** Ở dạng Biểu mẫu

**Câu 17. Cho các bước sau. Trình tự thực hiện tạo Báo cáo bằng thuật sĩ như thế nào?**

(1) Chọn dữ liệu nguồn, các trường hiển thị trên Báo cáo (2) Đặt tên Báo cáo, nháy nút Finish

(3) Nháy đúp vào Chọn Create 🡪 Report wizard (4) Chọn cách bố trí dữ liệu, kiểu trình bày Báo cáo

(5) Chọn trường gộp nhóm, sắp xếp

**A.** (3) 🡪(1) 🡪 (4) 🡪 (5) 🡪 (2) **B.** (1) 🡪 (3) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (2) **C.** (3) 🡪(1) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (2) **D**. (3) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (1) 🡪 (2)

**Câu 18. Biểu tượng nào tạo TextBox thiết kế hàm trong Báo cáo?**

****

**A. B. C. D.**



**Câu 19. Khi tạo Báo cáo, sử dụng để thực hiện việc gì?**

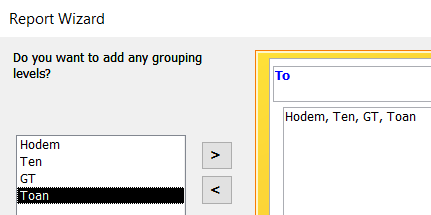
**A.** Chọn các hàm SUM, AVG, MIN, MAX **B.** Sắp xếp

**C.** Chọn các hàm SUM, AVG, GROUP BY **D.** Chọn các hàm SUM, AVG, GROUP BY, COUNT

**Câu 20. Tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ đối tượng nào?**

**A.** Bảng hoặc Mẫu hỏi **B.** Biểu mẫu **C.** Biểu mẫu hoặc Mẫu hỏi **D.** Bảng hoặc Biểu mẫu

**Câu 21. Ở bước tạo Báo cáo, hình dưới đây thực hiện công việc gì?**

**A.** Chọn nguồn dữ liệu cho Báo cáo

**B.** Chọn trường sắp xếp

**C.** Chọn trường gộp nhóm

**D.** Đặt tên cho Báo cáo

**Câu 22. Cho CSDL Qly\_HS.mdb gồm bảng Hocsinh. Để lập Báo cáo gồm danh sách học sinh có GT là “Nữ” và có đoàn viên, ta tạo Báo cáo như thế nào?**

**A.**  Tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn trực tiếp từ bảng Hoc sinh để lọc các học sinh có GT là “Nữ” và có đoàn viên.

**B.** Tạo Mẫu hỏi lấy tất cả dữ liệu từ bảng Hoc sinh. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Mẫu hỏi vừa tạo.

**C.**  Tạo Biểu mẫu lấy dữ liệu nguồn từ bảng Hoc sinh, lọc các học sinh có GT là “Nữ”và có đoàn viên. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Biểu mẫu vừa tạo.

**D.**  Tạo Mẫu hỏi lấy dữ liệu nguồn từ bảng Hoc sinh, lọc các học sinh có GT là “Nữ” và có đoàn viên. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Mẫu hỏi vừa tạo.

**Câu 23. Ở trang thiết kế của Báo cáo, để tính trung bình trường LY, làm tròn 1 chữ số thập phân, ta nhập:**

**A.** =Round(AVG([LY]),1) **B.** =Round(SUM([LY]),1) **C**. =Round(AVG([LY,2])) **D.** =Round[AVG(LY),1]

**Câu 24. Trong các mô hình dữ liệu sau, mô hình nào sử dụng phổ biến nhất?**

**A**. Mô hình phân cấp **B.** Mô hình dữ liệu quan hệ **C.** Mô hình hướng đối tượng **D.** Mô hình tương tranh

**Câu 25. Chọn phương án đúng để hoàn thành khái niệm sau?**

*“……...dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác …..... gọi là Hệ QT CSDL quan hệ”*

**A**. CSDL – Hệ QTCSDL **B.** Hệ quản trị CSDL - CSDL quan hệ

**C.** Hệ quản trị CSDL – CSDL **D**. CSDL quan hệ– Hệ quản trị CSDL

**Câu 26. Trong CSDL quan hệ, “Miền giá trị” của thuộc tính được hiểu là gì?**

**A.** Bảng **B.** Cột **C.** Kiểu dữ liệu **D.** Hàng

**Câu 27. Chọn phương án đúng để hoàn thành khái niệm sau?**

***“ ………… là tập các……………. dùng để phân biệt giữa các …………”***

**A.** Khóa-thuộc tính-bộ **B.** Khóa-bộ-thuộc tính **C.** CSDL-bộ-thuộc tính **D.** Hệ QTCSDL-thuộc tính-bộ

**Câu 28.** **Hình dưới đây không phải là một quan hệ trong CSDL quan hệ vì:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số thẻ** | **Mã số sách** | **Ngày mượn** | **Ngày trả** |
| 1 | VL-011 | 10/01/2022  20/01/2022 | 15/01/2022 |
| 2 | TI-012 | 02/03/2017 | 10/03/2022 |

**A.** Trường“Mã số sách” mang tính phức hợp.

**B.** Trường “Ngày mượn” mang tính phức hợp

**C.** Trường “Ngày mượn” mang tính đa trị

**D.** Trường ”Ngày trả” mang tính đa trị

**Câu 29. Cho bảng gồm các trường sau: Mã HS, Họ và tên, Lớp, Điểm số. Trường nào làm khóa chính là thích hợp? A.** Mã HS **B.** Mã HS**,** Họ và tên ` **C.** Lớp **D.** Điểm số

**Câu 30. Cho các bảng sau: Sach**(MaSach, TenSach, MaLoai);

**PhanLoaiSach**(MaLoai,TheLoaiSach); **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia).

**Để liệt kê các tên sách và các thể loại sách, ta cần kết xuất dữ liệu từ các bảng nào?**

**A.** HoaDon, PhanLoaiSach **B.** Sach, PhanLoaiSach **C.** Sach, HoaDon **D.** HoaDon

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **A** | **6** | **C** | **11** | **C** | **16** | **B** | **21** | **C** | **26** | **C** |
| **2** | **D** | **7** | **C** | **12** | **B** | **17** | **C** | **22** | **D** | **27** | **A** |
| **3** | **A** | **8** | **A** | **13** | **A** | **18** | **B** | **23** | **A** | **28** | **C** |
| **4** | **D** | **9** | **C** | **14** | **B** | **19** | **A** | **24** | **B** | **29** | **A** |
| **5** | **A** | **10** | **C** | **15** | **A** | **20** | **A** | **25** | **B** | **30** | **B** |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT ….  **TRƯỜNG ……**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (*Đề gồm có* ***02*** *trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II- NĂM HỌC 2021-2022**  [**Môn: TIN HỌC – Lớp: 12**](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-tin-hoc/tin-hoc-lop-12/)  Thời gian: **45** phút *(không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ: TRẮC NGHIỆM (30 câu). *Học sinh tô đáp án cần chọn vào phiếu trắc nghiệm.***

******Câu 1. Lệnh Design**🡪**Run tương ứng với biểu tượng nào?**

**A.**  **** **B.**   **C. D.**

**Câu 2. Khi thiết kế Mẫu hỏi, nhập điều kiện tại dòng nào?**

**A.** Total **B.** Criteria **C.** Show **D.** Sort

**Câu 3. Điều kiện nào viết sai khi tạo Mẫu hỏi?**

**A.** ‘Tin học’ **B.** “Nữ” **C.** #01/01/2021# **D.** >=9.0

**Câu 4. Đối tượng nào dùng để sắp xếp, tìm kiếm, kết xuất dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng?**

**A.** Table **B.** Query **C.** Form **D.** Report

**Câu 5. Mẫu hỏi không có chức năng nào?**

**A.** Sắp xếp các bản ghi **B**. Chọn các bản ghi thỏa mãn các điều kiện

**C.** Chọn các trường để hiển thị **D.** Trình bày dữ liệu theo khuôn dạng

**Câu 6. Trong mẫu hỏi, để lọc ra Tên sách là "TO-01", biểu thức nào viết đúng?**

**A.** Tên sách ="TO-01" **B.** [Tên sách]= TO-01 **C.** [Tên sách]="TO-01" **D.** Tên sách=’TO-01’

**Câu 7. Hàm nào để đếm giá trị khác rỗng?**  **A.** COUNT **B.** AVG **C.** SUM **D**. GROUP BY

**Câu 8. Lệnh nào dùng để chuyển sang chế độ thiết kế của Mẫu hỏi?**

**A.** Create 🠚  **B.** Design 🠚   **C.** File 🠚  **D.** Home 🠚 

**Câu 9. Cho các bước dưới đây. Trình tự thao tác để tạo Mẫu hỏi bằng tự thiết kế như thế nào?**

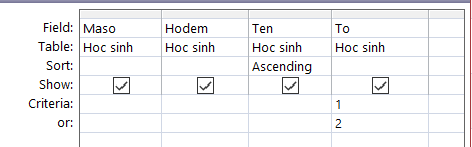


(1) Design 🡪 (2) Chọn Create 🡪 Query Design (3) Mô tả điều kiện Mẫu hỏi ở lưới QBE

(4) Chọn dữ liệu nguồn (5) Chọn các trường cần thiết để đưa vào Mẫu hỏi

**A.** (2) 🡪(4) 🡪 (3) 🡪 (5) 🡪 (1) **B.** (2) 🡪(4) 🡪 (5) 🡪 (3) 🡪 (1) **C.** (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (5 **D.** (4) 🡪 (2) 🡪 (5) 🡪 (3) 🡪 (1)

**Câu 10. Cho lưới QBE sau. Kết quả sau khi thực hiện thiết kế Mẫu hỏi là gì?**

**A.** Hiển thị danh sách học sinh ở tổ 1 và tổ 2

**B.** Hiển thị danh sách học sinh ở tổ 1 và tổ 2, sắp xếp Tên tăng dần.

**C.** Hiển thị danh sách học sinh ở tổ 1 hoặc tổ 2, sắp xếp Tên giảm dần.

**D.** Hiển thị danh sách học sinh ở tổ 1 hoặc tổ 2, sắp xếp Tên tăng dần.

**Câu 11. Khi thiết kế Mẫu hỏi, để xuất hiện dòng Total trong lưới QBE, ta chọn biểu tượng nào?**

**A.**  **B.**  **C. D.**

**Câu 12. Nội dung nào là phép toán dùng trong Mẫu hỏi?**

**A.** [LƯƠNG] **B.** “Núi Thành” **C.** AND, OR, NOT **D.** 100

**Câu 13. Tạo Mẫu hỏi lấy dữ liệu nguồn từ đối tượng nào?**

**A.** Báo cáo **B.** Biểu mẫu hoặc Mẫu hỏi khác **C.** Bảng hoặc Mẫu hỏi khác **D.** Bảng hoặc Báo cáo

**Câu 14. Báo cáo là hình thức thích hợp nhất để:**

**A.** tổng hợp, trình bày và in dữ liệu theo khuôn dạng **B.** cập nhật dữ liệu **C.** lọc dữ liệu **D.** lưu trữ dữ liệu

**Câu 15. Trong chế độ thiết kế của Báo cáo không thể thực hiện công việc nào?**

**A.** Di chuyển các tiêu đề **B.** Định dạngtiêu đề **C.** Gộp nhóm dữ liệu **D.** Thiết kế hàm

**Câu 16. Kết quả hiển thị Báo cáo sau khi thiết kế sẽ như thế nào?**

**A.** Ở dạng xem trang in **B.** Ở dạng trang dữ liệu, có thể xóa được

**C.** Ở dạng trang dữ liệu, có thể sửa được **D.** Ở dạng Biểu mẫu

**Câu 17. Cho các bảng sau: NguoiMuon**(SoThe, Hoten, Ngaysinh, Lop);

**Sach**(MaSach, Tensach, SoTrang, TacGia); **MuonSach**(SoThe, Masach, NgayMuon, NgayTra);

**Để liệt kê các học sinh đã mượn các loại sách tên là gì, ta cần kết xuất dữ liệu từ các bảng nào?**

**A.** MuonSach **B.** MuonSach, NguoiMuon **C.** NguoiMuon, Sach **D.** MuonSach, NguoiMuon, Sach

**Câu 18. Biểu tượng nào sử dụng Text box để thiết kế hàm trong Báo cáo?**

**A.**  **B. C. D.**

**Câu 19.** **Hình dưới đây không phải là một quan hệ trong CSDL quan hệ vì:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HS** | **Họ và tên** | **Lớp** | **Điểm** | |
| **LT** | **TH** |
| 1 | Lê Thanh Bình | 12A1 | 9 | 10 |
| 2 | Trần Minh Nhật | 12A2 | 8 | 7 |

**A.** Trường“Mã HS” mang tính phức hợp.

**B.** Trường “Điểm” mang tính đa trị

**C**. Trường “LT” ,”TH” mang tính đa trị

**D.** Trường “Điểm” mang tính phức hợp

**Câu 20. Cho bảng gồm các trường sau: MãThẻ, Họ và tên, Ngày sinh, Lớp. Trường nào làm khóa chính là thích hợp?**

**A.** MãThẻ, Họ và tên **B.** Họ và tên ` **C.** MãThẻ, Họ và tên, Lớp **D.** MãThẻ

**Câu 21. Chọn phương án đúng để hoàn thành khái niệm sau?**

***“ ………… là tập các……………. dùng để phân biệt giữa các …………”***

**A.** Khóa-bộ-thuộc tính **B.** Khóa-thuộc tính-bộ **C.** CSDL-bộ-thuộc tính **D.** Hệ QTCSDL-thuộc tính-bộ

**Câu 22. Cho các bước sau. Trình tự thực hiện để tạo Báo cáo bằng thuật sĩ như thế nào?**

(1) Chọn trường gộp nhóm, sắp xếp (2) Đặt tên báo cáo, nháy nút Finish

(3) Nháy đúp vào Chọn Create 🡪 Report wizard (4) Chọn cách bố trí dữ liệu, kiểu trình bày báo cáo

(5) Chọn dữ liệu nguồn, các trường hiển thị trên báo cáo

**A.** (3) 🡪(5) 🡪 (4) 🡪 (1) 🡪 (2) **B.** (5) 🡪 (3) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (2) **C.** (3) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (5) 🡪 (2) **D.** (3) 🡪(5) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (2)

**Câu 23. Báo cáo gồm có các chế độ làm việc nào?**

**A.** Thiết kế và Trang dữ liệu **B.** Thiết kế và Biểu mẫu

**C.** Thiết kế và Xem trang in **D.** Biểu mẫu và Trang dữ liệu

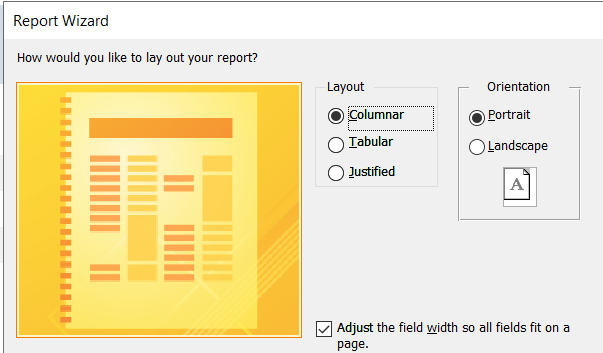
****

**Câu 24. Khi tạo Báo cáo, sử dụng để thực hiện việc gì?**

**A.** Sắp xếp **B.** Chọn các hàm SUM, AVG, GROUP BY, COUNT

**C.** Chọn các hàm SUM, AVG, GROUP BY **D.** Chọn các hàm SUM, AVG, MIN, MAX

**Câu 25. Ở bước tạo Báo cáo, hình dưới đây thực hiện công việc gì?**



**A.** Chọn nguồn dữ liệu cho Báo cáo

**B.** Chọn trường sắp xếp

**C.** Chọn trường gộp nhóm

**D.** Chọn cách bố trí trang Báo cáo

**Câu 26. Cho CSDL Qly\_HS.mdb gồm bảng Hocsinh. Để lập Báo cáo gồm danh sách học sinh có GT là “Nữ” và Toán >=8.0, ta tạo Báo cáo như thế nào?**

**A.**  Tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn trực tiếp từ bảng Hoc sinh để lọc các học sinh có GT là “Nữ” và Toán >=8.0.

**B.**  Tạo Mẫu hỏi lấy dữ liệu nguồn từ bảng Hoc sinh, lọc các học sinh có GT là “Nữ” và Toán >=8.0. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Mẫu hỏi vừa tạo.

**C.** Tạo Mẫu hỏi lấy tất cả dữ liệu từ bảng Hoc sinh. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Mẫu hỏi vừa tạo.

**D.**  Tạo Biểu mẫu lấy dữ liệu nguồn từ bảng Hoc sinh, lọc các học sinh có GT là “Nữ”và Toán >=8.0. Sau đó tạo Báo cáo lấy dữ liệu nguồn từ Biểu mẫu vừa tạo.

**Câu 27. Ở chế độ thiết kế của Báo cáo, để tính tổng trường Lương, làm tròn 1 chữ số thập phân, ta nhập:**

**A.** =Round(SUM([Lương]),2)  **B.** =Round(SUM([Lương]),1) **C.** =Round(SUM(Lương),1)) **D.**=Round(AVG([Lương],1))

**Câu 28. Mô hình dữ liệu quan hệ bao gồm các yếu tố nào?**

**A**. Cấu trúc dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu **B.** Các thao tác trên dữ liệu, các ràng buộc dữ liệu

**C.** Cấu trúc dữ liệu, các ràng buộc dữ liệu **D.** Cấu trúc dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu, các ràng buộc dữ liệu

**Câu 29. Chọn phương án đúng để hoàn thành khái niệm sau?**

*“ ……… được xây dựng dựa trên ……… được gọi là CSDL quan hệ.”*

**A**. CSDL - mô hình dữ liệu **B.** Hệ QT CSDL - mô hình dữ liệu

**C.** CSDL - mô hình dữ liệu quan hệ **D**. Mô hình dữ liệu - CSDL

**Câu 30. Trong CSDL quan hệ, một “Quan hệ” được hiểu là gì?**

**A.** Bảng **B.** Cột **C.** Kiểu dữ liệu **D.** Hàng

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **B** | **6** | **C** | **11** | **D** | **16** | **A** | **21** | **B** | **26** | **B** |
| **2** | **B** | **7** | **A** | **12** | **C** | **17** | **D** | **22** | **D** | **27** | **B** |
| **3** | **A** | **8** | **D** | **13** | **C** | **18** | **C** | **23** | **C** | **28** | **D** |
| **4** | **B** | **9** | **B** | **14** | **A** | **19** | **D** | **24** | **D** | **29** | **C** |
| **5** | **D** | **10** | **D** | **15** | **C** | **20** | **D** | **25** | **D** | **30** | **A** |